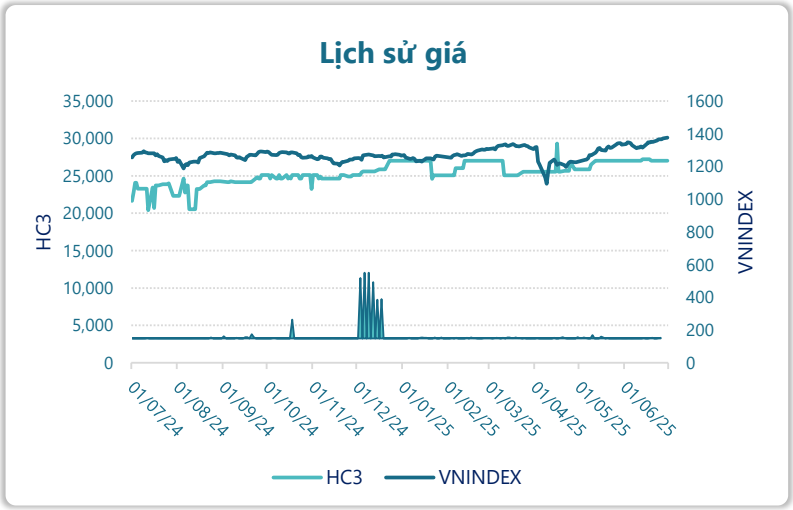
FireAnt

CTCP Xây dựng số 3 Hải Phòng (UPCOM: HC3)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**27,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,314
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,401
SL cổ phiếu LH	20,685,717
KLGD BQ 20 phiên (CP)	25
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	559
P/E	21.6
EPS	1,248

DT thuần

Q2/25

15.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.50| 3.3%

YoY: ▼2.10| -12.4%

LN sau thuế

Q2/25

6.37

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.57| -8.2%

YoY: ▼4.23| -39.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

47.5%

+/- YoY: ▼ 29.9%

DT thuần

6T 2025

29.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼6.40| -17.8%

LN sau thuế

6T 2025

13.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼10.5| -44.2%

ROE

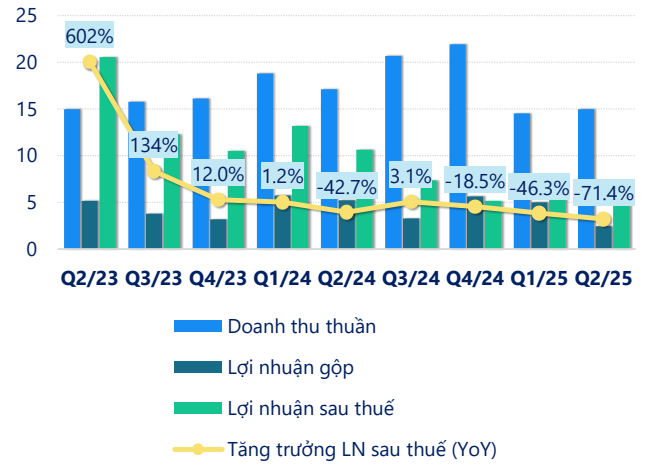
Q2/25

3.7%

+/- YoY: ▼ 2.9%

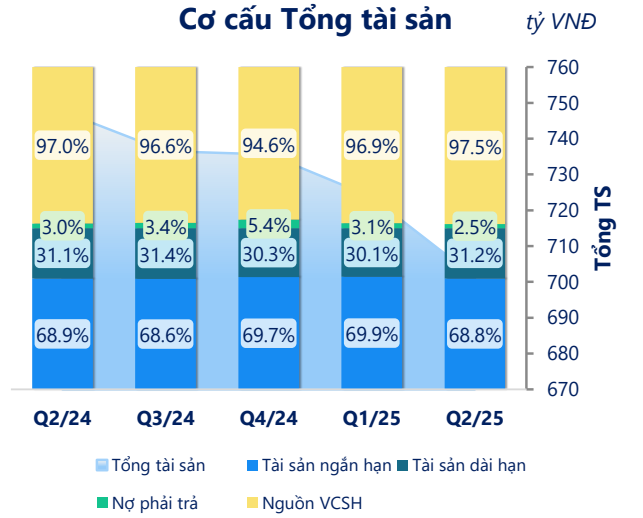
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



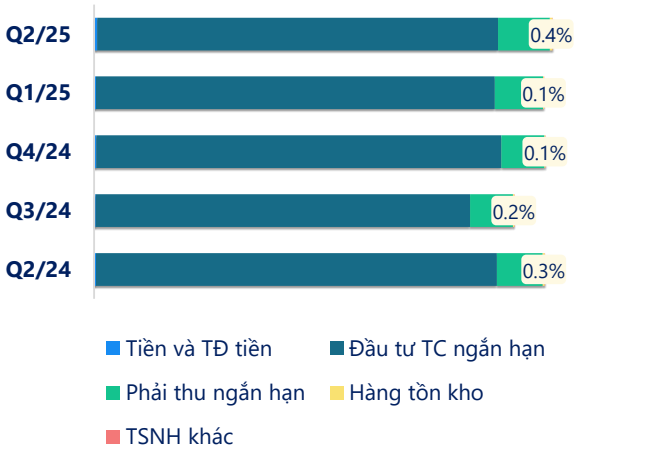
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



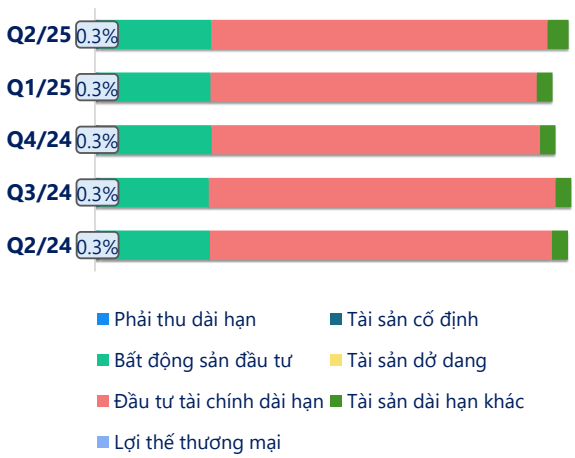
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



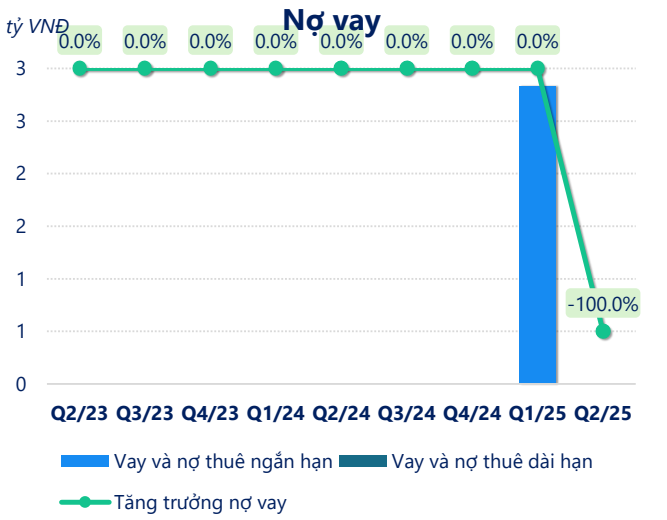
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



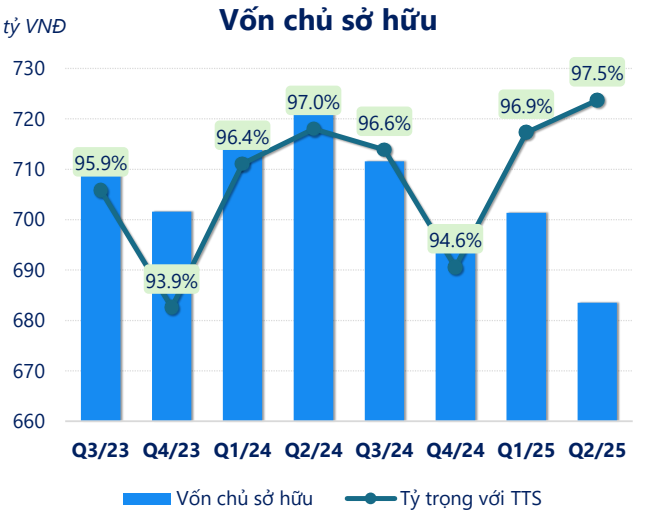
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



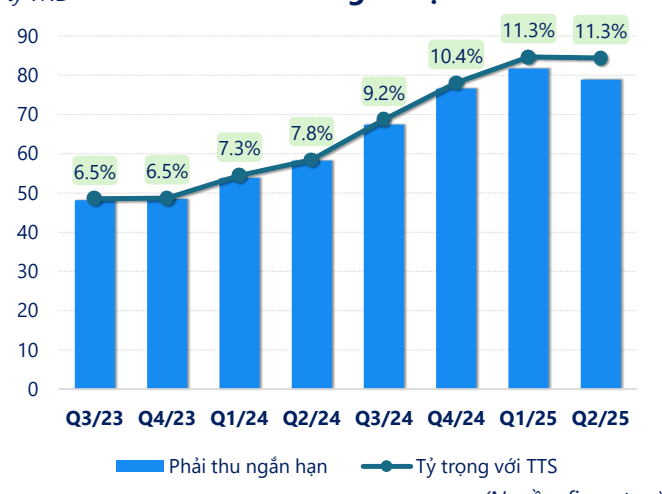
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



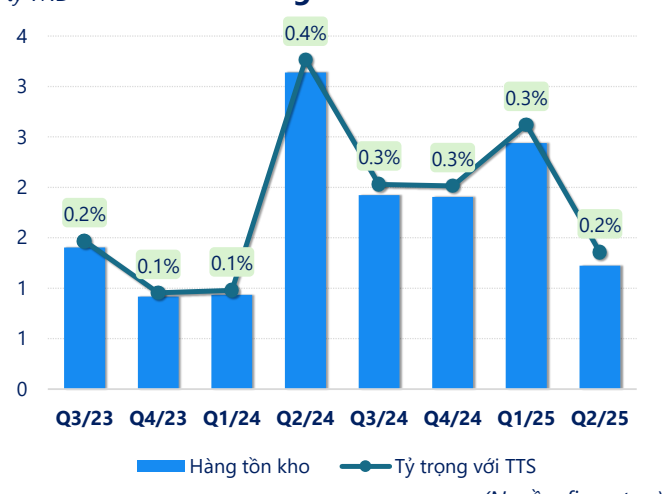
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



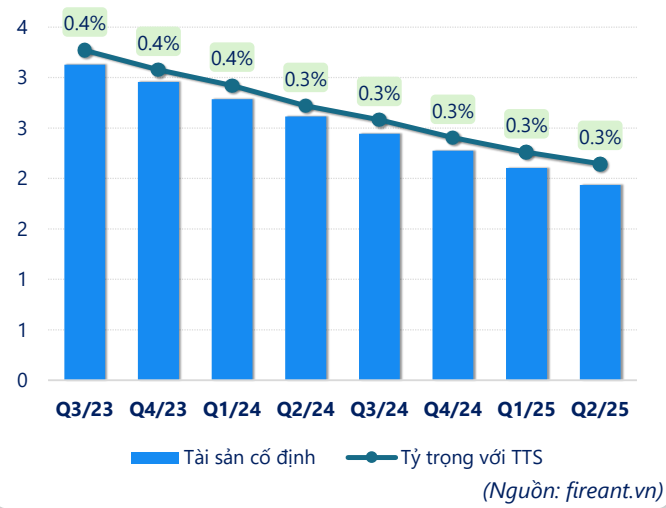
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



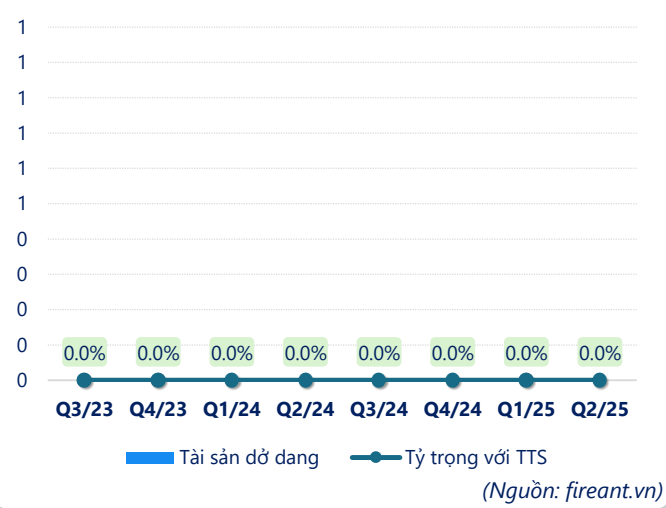
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



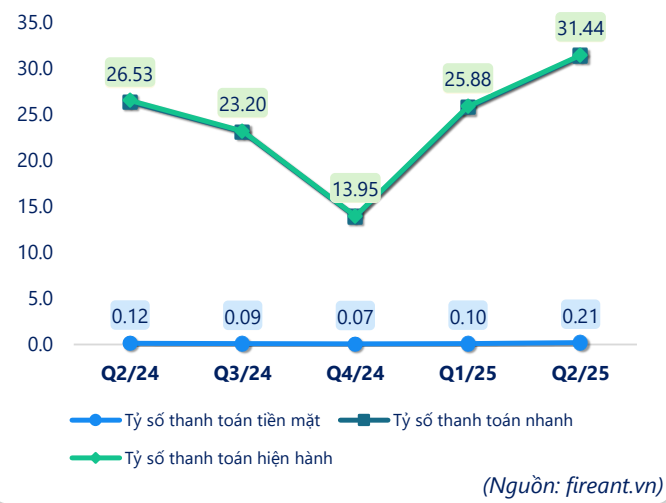
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



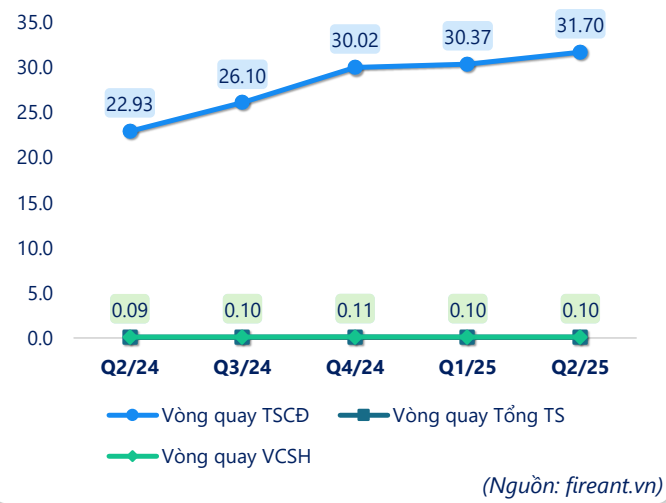
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**748**	**736**	**736**	**724**	**701**
Tài sản ngắn hạn	**515**	**506**	**513**	**506**	**483**
Tiền và tương đương tiền	2.25	1.92	2.47	2.02	3.15
Đầu tư tài chính ngắn hạn	451	434	431	419	399
Phải thu ngắn hạn	58.3	67.4	76.6	81.7	78.9
Hàng tồn kho	3.14	1.92	1.90	2.44	1.22
Tài sản ngắn hạn khác	0.17	0.35	0.29	0.28	0.14
Tài sản dài hạn	**233**	**231**	**223**	**218**	**219**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	2.62	2.44	2.27	2.10	1.94
Bất động sản đầu tư	54.0	52.8	54.3	53.0	51.7
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	168	168	159	155	155
Tài sản dài hạn khác	7.89	7.71	7.51	7.56	9.69
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**22.6**	**24.9**	**39.6**	**22.4**	**17.8**
Nợ ngắn hạn	**19.4**	**21.8**	**36.7**	**19.5**	**15.4**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	2.83	0
Phải trả người bán ngắn hạn	0.84	1.05	0.71	0.64	1.04
Nợ dài hạn	3.21	3.11	2.83	2.83	2.46
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**725**	**712**	**696**	**701**	**684**
Vốn chủ sở hữu	**725**	**712**	**696**	**701**	**684**
Vốn điều lệ	207	207	207	207	207
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)